

T.A.N.D HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Án số: 33 /2018/HNGĐ- ST

Ngày: 10/7/2018.

V/v: *Không công nhận là vợ chồng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên
Ông Nguyễn Sỹ Minh

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án, TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 133/2018/TLST- HNGĐ ngày 05/6/2018 về “ *Không công nhận là vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXX ST- HNGĐ ngày 22/ 6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1966 (có mặt)

Bị đơn: Anh Dương Văn S, sinh năm 1967 (có mặt)

Cùng cư trú tại: thôn T, xã T , huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/5/2018 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Đặng Thị T trình bày: Chị và anh S kết hôn năm 1991, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Tòa án yêu cầu chị xuất trình chứng cứ chứng minh vợ chồng có đăng ký kết hôn, chị không có chứng cứ để xuất trình. Ai là người đăng ký kết hôn cho vợ chồng, chị không nhớ. Sau khi kết hôn vợ chồng đã không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh S thường xuyên uống rượu về chửi vợ con. Vì thương con chị cam chịu. Nhiều lần chị và gia đình khuyên bảo, nhưng anh S không thay đổi, thậm trí khi con chung được hơn 1 tuổi, anh S đi uống rượu về lấy móc sắt móc vào cúc áo của con treo lên và đóng cửa không cho mọi người vào. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2017, nguyên nhân là do anh S không đi làm, ở nhà uống rượu, sau đó chửi vợ con ngày càng nhiều. Chị làm đơn xin ly hôn, qua hòa giải của Tòa án, anh S cam đoan thay đổi, chị rút đơn

khởi kiện vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh S không thay đổi mà ngày càng uống rượu nhiều và chửi vợ con. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ 01/5/2018 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 03 con chung Dương Thị H1, sinh năm 1992, Dương Thị H2, sinh năm 1995 và Dương Văn T, sinh ngày 10/02/ 1998. Các con đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị T xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dương Văn S là bị đơn trình bày: Anh và chị T kết hôn năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Tòa án yêu cầu anh xuất trình chứng cứ chứng minh vợ chồng có đăng ký kết hôn, anh không có chứng cứ để xuất trình. Ai là người đăng ký kết hôn cho vợ chồng, anh không nhớ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhiều khi xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, nhưng sau đó vợ chồng lại hòa thuận. Năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T và con gái lớn tên Dương Thị H1 cãi nhau, anh khuyên bảo không được nên chán nản lao vào uống rượu, không làm ăn kinh tế. Nhiều lần uống rượu về anh chửi vợ, con nhưng sau khi tỉnh rượu vợ chồng lại hòa thuận. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2018 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ, anh xin hứa sẽ bỏ rượu và tu chí làm ăn. Chị T xin ly hôn anh không đồng ý. Tuy nhiên, nếu chị T cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 03 con chung Dương Thị H1, sinh năm 1992, Dương Thị H2, sinh năm 1995 và Dương Văn T, sinh 10/02/1998. Các con đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp anh S xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 8 Điều 28, các Điều 35, 39, 271, 273 BLTTDS, áp dụng Điều 9,14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 xử:

- Quan hệ vợ chồng: không công nhận chị Đặng Thị T và anh Dương Văn S là vợ chồng.
- Con chung: đã trưởng thành không đặt ra giải quyết
- Tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận; Tài riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết.
- Án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.
- Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn năm 1991. Chị T, anh S không xuất trình được chứng cứ chứng minh là có đăng ký kết hôn, và không nhớ ai là người đã đăng ký kết hôn. Ngoài ra, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T cung cấp Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999 trở về trước hiện không còn lưu trữ do bị mối xông, hiện chỉ lưu được sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay. Kiểm tra sổ đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay không có trường hợp nào có tên Đặng Thị T và Dương Văn S đăng ký kết hôn. Do đó chị T, anh S xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn là không có căn cứ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đã không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh S thường xuyên uống rượu về chửi vợ con. Vì thương con chị T cam chịu. Nhiều lần chị T và gia đình khuyên bảo, anh S không thay đổi. Năm 2017 chị T có đơn xin ly hôn, anh S xin hứa sửa chữa, chị rút đơn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh S không thay đổi, mà ngày càng uống rượu và chửi vợ con nhiều hơn. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 5/2018 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị T, anh S mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân giữa chị T và anh S không có đăng ký kết hôn. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh S không đồng ý. Áp dụng Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị T và anh S là vợ chồng.

[2] Con chung: Vợ chồng có 03 con chung Dương Thị H1, sinh năm 1992, Dương Thị H2, sinh năm 1995 và Dương Văn T, sinh ngày 10/02/1998. Các con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác các đương sự xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 8 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thị T và anh Dương Văn S là vợ chồng.

2. Án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0001705 ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Chị T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã T.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hương